

Số: 26 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2026

CHỈ THỊ**Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027**

Năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục biến động khó lường, đặc biệt là xung đột tại Trung Đông gây biến động thị trường năng lượng, gia tăng áp lực lạm phát toàn cầu, các tổ chức quốc tế điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng. Biến đổi khí hậu, thiên tai, an ninh lương thực tiếp tục diễn biến phức tạp. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có những bước phát triển mạnh mẽ.

Năm 2027 là năm thứ hai triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2026 - 2030, là năm bản lề củng cố nền tảng để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số. Dự báo tình hình thế giới khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi; trong nước, nền kinh tế vừa phải giải quyết các vấn đề nội tại, vừa thực hiện các nhiệm vụ có tính đột phá, mở đường và thích ứng hiệu quả với bối cảnh toàn cầu mới.

Trong bối cảnh đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) tập trung xây dựng kế hoạch phát triển KTXH, dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2027 với các nội dung chính sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027**I. YÊU CẦU****1. Đối với đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026**

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về phát triển KTXH năm 2026.

b) Đánh giá đúng thực chất, khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có so sánh với năm 2025 (và thế giới, khu vực nếu có) về tình hình thực hiện Kế hoạch năm 2026, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH 06 tháng, ước thực hiện cả năm 2026; phân tích, đánh giá các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chủ quan, khách quan; đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để thực hiện thành công Kế hoạch năm 2026.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

a) Kế hoạch năm 2027 được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực chất kết quả thực hiện Kế hoạch năm 2026, dự báo bối cảnh, tình hình thế giới và trong nước, chủ động các giải pháp đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, bao trùm, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp. Cần có tầm nhìn, tư duy đột phá để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, khắc phục tồn tại, hạn chế.

b) Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, các đề án dự kiến trong năm 2027 phải bám sát, cụ thể hóa các định hướng đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và lãnh đạo chủ chốt, các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ gắn với sản phẩm cụ thể, trách nhiệm rõ ràng và đánh giá dựa trên kết quả thực hiện.

Định hướng phát triển tập trung vào: tăng trưởng hai con số gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; nâng cao năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh các đột phá chiến lược; tăng cường hội nhập quốc tế; bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa - xã hội và giữ vững an ninh Tổ quốc.

c) Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và địa phương phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và kế hoạch 5 năm của địa phương; thúc đẩy liên kết vùng, phát triển các vùng động lực và cực tăng trưởng của cả nước phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với hệ thống chỉ tiêu về KTXH 5 năm 2026 - 2030 đã đặt ra tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương.

Trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định; đảm bảo tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

đ) Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành, các địa phương và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Về đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển KTXH năm 2026

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng năm 2026, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Cụ thể:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước; nêu cả những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 (trong đó có tác động của xung đột tại khu vực Trung Đông).

b) Các địa phương đánh giá tình hình thực hiện theo các chỉ tiêu tăng trưởng, mục tiêu, nhiệm vụ tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội, Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết giao chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 của Chính phủ (sau khi được ban hành) và Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026.

c) Các bộ, cơ quan trung ương đánh giá việc thực hiện mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, việc triển khai các nhiệm vụ được giao (nhất là những nhiệm vụ cần thực hiện ngay trong năm 2026) tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, Kết luận số 18-KL/TW và Kết luận số 199-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 244/2025/QH15 và 25/2026/QH16 của Quốc hội, Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển KTXH năm 2026 và 5 năm 2026 - 2030; các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, gồm: 57-NQ/TW, 59-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW, 70-NQ/TW, 71-NQ/TW, 72-NQ/TW, 79-NQ/TW, 80-NQ/TW...; Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 109/NQ-CP và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển KTXH năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu đã được giao theo mẫu tại các Phụ lục kèm theo. Đồng thời, nhấn mạnh, làm rõ các nội dung sau:

(1) Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; kết quả công tác điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá; thu - chi NSNN; điều hành giá; các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí; thu hút FDI; phát triển thị trường tài chính; thúc đẩy thương mại; tạo đột phá các động lực tăng trưởng mới; xây dựng và triển khai chiến lược dự trữ năng lượng quốc gia...

(2) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 24-KL/TW của Bộ Chính trị; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tổng rà soát hệ thống pháp luật; hoàn thiện quy định về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

(3) Đánh giá công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hiệu quả phân cấp, phân quyền cho cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý tài sản công dư thừa sau sắp xếp; triển khai Kết luận số 210-KL/TW và Nghị quyết số 105/NQ-CP về hoàn thiện tổ chức bộ máy.

(4) Kết quả thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành. Kết quả triển khai các Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị; công tác điều hành Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng...

(5) Tình hình thực hiện đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng; tiến độ triển khai các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia, hạ tầng liên vùng, đô thị lớn; rà soát, điều chỉnh quy hoạch; triển khai Nghị quyết số 70-NQ/TW; phát triển hạ tầng dự trữ quốc gia và hạ tầng năng lượng bảo đảm an ninh năng lượng.

(6) Tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết quả phát triển Chính phủ số, thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia. Tình hình thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo Nghị quyết số 71-NQ/TW; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.

(7) Kết quả đạt được trong công tác phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW, số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; kết quả thực hiện Đề án xây dựng 1 triệu căn nhà ở xã hội năm 2026. Đánh giá tình hình triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng dân tộc thiểu số, chăm sóc sức khỏe dân số và phát triển văn hóa giai đoạn 2026 - 2035.

(8) Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tiến độ triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. Đánh giá kết quả nhiệm vụ xử lý ô nhiễm không khí tại các thành phố lớn.

(9) Kết quả công tác củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống ma túy đến năm 2030.

(10) Kết quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và tình hình triển khai Nghị quyết 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; công tác thúc đẩy ngoại giao kinh tế, trọng tâm là ngoại giao công nghệ, ngoại giao đa phương...

(11) Hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận.

2. Về dự kiến kế hoạch phát triển KTXH năm 2027

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, trong đó tập trung:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước; nêu cả những yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành các mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

c) Các chỉ tiêu chủ yếu và một số cân đối lớn: Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương cần rõ ràng, có định lượng, phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 5 năm 2026 - 2030 tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, nhất là phần đầu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt từ 10% trở lên.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:

- Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; phối hợp chặt chẽ, linh hoạt chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; điều hành tín dụng, lãi suất, tỷ giá phù hợp với diễn biến thị trường, kinh tế vĩ mô, lạm phát. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; đẩy nhanh giải ngân đầu tư công. Thúc đẩy, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, khai thác mạnh các động lực mới.

- Tập trung đẩy mạnh đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh; triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI; đảm bảo tiến độ ban hành văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh... Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất

lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Phát triển mạnh mẽ các thành phần của nền kinh tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả các Nghị quyết số 68-NQ/TW, 79-NQ/TW và Nghị quyết về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài của Bộ Chính trị (sau khi được ban hành). Tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển kinh tế số, xã hội số, Chính phủ điện tử; đẩy mạnh quản lý tài sản số...

- Tiếp tục đẩy nhanh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KTXH đồng bộ, hiện đại, nhất là các công trình quan trọng, trọng điểm quốc gia; khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng dự trữ quốc gia, hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng văn hóa, giáo dục...

- Tạo đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Quyết liệt triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 193/2025/QH15 của Quốc hội; xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học đột phá, tập trung vào các ngành công nghệ chiến lược; đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, đưa dữ liệu thành tài nguyên.

- Tiếp tục thúc đẩy đột phá phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở các cấp học. Đẩy mạnh phát hiện, thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ chiến lược như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chip bán dẫn, an ninh mạng...

- Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, 80-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa và nâng cao sức khỏe nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội; tăng tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo...

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường, ngập úng tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; phát triển công nghiệp quốc phòng, an

ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, gắn kết chặt chẽ và trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế; phát huy vai trò, vị thế, uy tín của đất nước. Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông chính sách, pháp luật, thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

1. Về dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2027 xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, bảo đảm bao quát, thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2026 làm cơ sở xây dựng dự toán thu NSNN năm 2027; tính toán, lượng hóa cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, bám sát diễn biến tình hình kinh tế, tài chính trong nước và thế giới. Trong đó:

a) Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2027 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) bình quân cả nước tăng khoảng 13 - 15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2027 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026.

b) Xây dựng phương án phân chia nguồn thu theo quy định của Luật NSNN 2025, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (NSTW) theo đúng Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương, Nghị quyết số 26/2026/QH16.

c) Toàn bộ số thu từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2027 đảm bảo: (i) Tuân thủ các mục tiêu, giải pháp về tài chính – NSNN tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026; (ii) Tuân thủ các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính; (iii) Phù hợp với mục tiêu, chỉ tiêu tại Nghị quyết số 26/2026/QH16, số 27/2026/QH16 của Quốc hội; (iv) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2027 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Dự toán chi NSNN năm 2027 có đầy đủ căn cứ chính trị, pháp luật, thực tiễn, cơ sở tính toán rõ ràng, lộ trình triển khai, kết quả dự kiến đạt được, đảm bảo khả thi, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Yêu cầu triệt để tiết kiệm, cắt giảm các nội dung, nhiệm vụ chi không cần thiết, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu khá. Đặt hàng các đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện và một số doanh nghiệp đặc thù cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đấu thầu rộng rãi cung cấp các dịch vụ công có tính cạnh tranh.

Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu đột phá, nhiệm vụ chính trị quan trọng được Đảng, Nhà nước quyết định, các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; dành nguồn phù hợp với khả năng cân đối NSNN để thực hiện điều chỉnh tiền lương khu vực công, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN bảo đảm), chính sách ưu đãi đối với người có công, bảo trợ xã hội.

Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn lực NSNN đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến.

Trong đó, lưu ý một số nội dung như sau:

a) Dự toán chi đầu tư phát triển:

- Đối với chi đầu tư công:

Bám sát các mục tiêu, định hướng tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16; Nghị quyết số 26/2026/QH16, Nghị quyết số 27/2026/QH16, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15

và số 120/2026/UBTVQH15, Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN, gắn với các yêu cầu và kết quả thực hiện, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải đảm bảo về sự cần thiết, hạch toán KTXH, đánh giá hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch có liên quan và khả năng thực hiện, giải ngân khi đăng ký nhu cầu vốn đối với từng dự án, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV, các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã có tác động lan tỏa, ý nghĩa quan trọng đối với phát triển KTXH của các địa phương được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2026 - 2030. Đảm bảo số lượng dự án giai đoạn 2026 - 2030 giảm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với chi đầu tư phát triển khác:

Dự toán chi NSNN đầu tư vào các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước, pháp luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Dự toán chi tiền lương, phụ cấp các khoản đóng góp, chế độ, chính sách theo chính sách, chế độ năm 2027 và biên chế về bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Trong đó chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi bộ máy gắn với chi lương, chi hoạt động bộ máy, tinh giản biên chế.

c) Giảm dần hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở: (i) Các đơn vị nâng cao hơn nữa mức độ tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy; NSNN chỉ hỗ trợ chi thường xuyên theo phân loại mức độ tự chủ tài chính và dự toán thu, chi hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 và 4, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; (ii) Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế từ hỗ trợ trực tiếp sang đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ là chủ yếu, (iii) Rà soát, thu gọn đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Trung ương, các kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ triển khai các Kết luận của Trung ương.

d) Đối với các cơ quan, đơn vị có cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù ở Trung ương: Dự toán chi tiền lương, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

đ) Đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia:

Lập dự toán chi NSNN (đầu tư, thường xuyên) thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 và các quy định có liên quan; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, sát khả năng thực hiện, giải ngân, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách.

e) Các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch dự trữ quốc gia, dự trữ chiến lược và dự toán chi NSNN năm 2027 phù hợp với điều kiện KTXH đất nước, bám sát diễn biến địa chính trị thế giới, quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về dự trữ quốc gia, pháp luật có liên quan, phù hợp với Nghị quyết số 26/2026/QH16 và khả năng cân đối của NSNN năm 2027.

g) Dự toán chi viện trợ của Chính phủ Việt Nam cho các nước từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch thỏa thuận, hợp tác hằng năm, hiệp định hợp tác song phương cùng các điều ước quốc tế Việt Nam tham gia, rõ hình thức viện trợ, rõ trách nhiệm các bên và kết quả dự kiến.

h) Dự toán chi cho vay của NSTW cho Chính phủ nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 118/2026/NĐ-CP phải gắn liền với lợi ích quốc gia, phù hợp với chủ trương, chính sách đối ngoại của Việt Nam, trong phạm vi khả năng cân đối NSTW năm 2027, bảo đảm nguyên tắc an toàn vốn, hạn chế tối đa rủi ro không thu hồi nợ.

i) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Trung ương: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

k) Khi lập dự toán đối với các nội dung tại điều 2 phần B này, cần cụ thể hóa mức NSNN bố trí cho chương trình, dự án, nội dung, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển văn hóa, chi công tác xây dựng pháp luật (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo chủ trương của Đảng, hướng dẫn của

Bộ Khoa học và Công nghệ về nội hàm phạm vi chi NSNN cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, chi tiết các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí tương ứng phục vụ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, xây dựng văn bản pháp luật, y tế, văn hóa.

1) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Năm 2027 là năm đầu tiên thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi đầy đủ theo quy định của Luật NSNN. Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương (NSDP) được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN trong giai đoạn 2027 - 2030 và vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng, hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSDP năm 2027; phân cấp cụ thể nguồn thu, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài việc thực hiện nghiêm các yêu cầu tại điều 1, điều 2 phần B Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP năm 2027 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Đối với dự toán thu NSNN trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo các cơ quan tài chính, thuế, hải quan và các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá sát tình hình thực hiện thu ngân sách năm 2026 và dự toán năm 2027, bám sát các chỉ tiêu được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các yêu cầu tại điều 1 phần B nêu trên.

b) Đối với dự toán chi NSDP, các địa phương căn cứ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách năm 2027; bám sát mục tiêu, định hướng của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2027 của địa phương; đồng thời, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách do trung ương và địa phương ban hành theo thẩm quyền, tổ chức xây dựng dự toán chi NSDP theo đúng quy định của Luật NSNN, bảo đảm cơ cấu chi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách. Trong đó, rà soát ưu tiên chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng pháp luật nhà nước, chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Kế hoạch, thông báo của Ban Chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Đối với bội chi, vay và trả nợ NSDP, các địa phương chỉ đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về quản lý nợ công và quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phải đánh giá toàn diện tác động của nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn trước khi quyết định vay mới. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch bố trí kế hoạch vốn năm 2027 cho các dự án đang triển khai, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trung ương liên quan hoàn thiện thủ tục, ký kết hiệp định cho các dự án mới đã đủ điều kiện; xây dựng kế hoạch vay, bội chi phù hợp với khả năng giải ngân thực tế.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2027

1. Bộ Tài chính:

a) Trong tháng 6 năm 2026, xây dựng hướng dẫn chi tiết Đề cương báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027” của cả nước gắn với phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương tính toán, xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế của quốc gia, tổng hợp các cân đối lớn và tổng hợp dự thảo báo cáo “Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027” trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2026, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2026, báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn cấp tỉnh (GRDP), Cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu ước tính thực hiện năm 2026 lần 1, làm căn cứ cho địa phương kịp thời xây dựng kế hoạch phát triển KTXH năm 2027.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

a) Căn cứ đề cương Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 của cả nước do Bộ Tài chính xây dựng để hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương, bao gồm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, dự kiến các chỉ tiêu tăng trưởng ngành, lĩnh vực và địa phương, bảo đảm bám sát hệ thống chỉ tiêu tại Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương và Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết của Chính phủ về giao chỉ tiêu cho các địa phương năm 2026 và giai đoạn 5 năm 2026 - 2030.

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP), các địa phương sử dụng số liệu chính thức do Cục Thống kê tính toán và công bố năm 2026 và phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thống kê rà soát, ước thực hiện năm 2026. Trên cơ sở đó, xây dựng chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân năm 2027 phấn đấu 10% trở lên.

Đối với các dự án/đề án dự kiến đưa vào trong kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, cần đảm bảo tính khả thi, sự cần thiết, phù hợp với các định hướng, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 25/2026/QH16 của Quốc hội; đồng thời phải có thời hạn dự kiến hoàn thành cụ thể và phân rõ vai trò các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện.

b) Dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương trình cấp có thẩm quyền; đồng thời, báo cáo các cơ quan cấp trên, các cơ quan trung ương theo tiến độ quy định. Gửi dự thảo Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027 đến Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Riêng các tập đoàn, tổng công ty nhà nước báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2026 cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Căn cứ tổ chức thực hiện tại Nghị quyết số 28/2026/QH16 và Nghị quyết số 261/2025/QH15 của Quốc hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Y tế theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì xây dựng nội dung báo cáo về kết quả thực hiện các Nghị quyết nêu trên, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm 2026 để xây dựng thành đầu mục riêng trong báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH năm 2026 và xây dựng Kế hoạch phát triển KTXH năm 2027, trình Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ 2.

II. VỀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027

1. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng Dự toán NSNN năm 2027 và Kế hoạch đầu tư công năm 2027 phù hợp với pháp luật NSNN, đầu tư công, pháp luật có liên quan và chủ trương của Đảng, Nhà nước về vấn đề tiền lương.

2. Bộ Nội vụ khẩn trương tham mưu trình cấp có thẩm quyền xác định biên chế công chức và số lượng viên chức hưởng lương từ NSNN năm 2027 của các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy trước ngày 20 tháng 7 năm 2026 làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2027 gửi cơ quan tài chính các cấp để tổng hợp báo cáo Chính phủ, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, xây dựng dự toán NSNN năm 2027 theo quy định.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2)

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng



Phụ lục I
ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2027
(Kèm theo Chỉ thị số 26 /CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2026			Dự kiến năm 2027 ¹	Cơ quan báo cáo số liệu
			Mục tiêu (theo Nghị quyết số 244/2025/QH15)	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá		
Nhóm các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 244/2025/QH15 của Quốc hội							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Phấn đấu 10% trở lên				Bộ TC
2	GDP bình quân đầu người	USD	5.400 - 5.500				Bộ TC
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	24,96				Bộ TC
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	%	Khoảng 4,5				Bộ TC
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,5				Bộ TC
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25,3				Bộ NV
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	29,5				Bộ GDĐT
8	Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực thành thị	%	<4				Bộ NV
9	Tỷ lệ giảm hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %	1 - 1,5				Bộ NNMT
10	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15,3				Bộ Y tế
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	34,7				Bộ Y tế
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5				Bộ TC
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Tối thiểu 15%				Bộ NNMT

¹ Các bộ, ngành đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2027 để đảm bảo phù hợp với Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030.

14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95				Bộ NNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	95				Bộ TC
Nhóm các chỉ tiêu giao bổ sung theo Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội							
16	Tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%					Bộ NNMT
17	Tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng	%					Bộ TC
	<i>Trong đó: Tăng trưởng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%					Bộ CT
18	Tăng trưởng khu vực dịch vụ	%					Bộ TC
19	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%					Bộ CT
20	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD					Bộ CT
21	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%					Bộ CT
22	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%					Bộ CT
	<i>Trong đó: Nhóm nông, lâm, thủy sản</i>	%					Bộ NNMT
	<i>Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%					Bộ CT
	<i>Nhóm nhiên liệu, khoáng sản</i>	%					Bộ CT
23	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	%					Bộ CT
24	Tăng trưởng doanh số thương mại điện tử	%					Bộ CT
25	Tăng trưởng ngành công nghiệp văn hóa	%					Bộ VHTTDL
26	Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam	Triệu lượt khách					Bộ VHTTDL
27	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GDP	%					Bộ TC
28	Hệ số ICOR						Bộ TC

29	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của khu vực kinh tế tư nhân	%					Bộ TC
30	Tổng tích lũy tài sản so với GDP	%					Bộ TC
31	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP	%					Bộ TC
32	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	%					Bộ KH-CN
33	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%					Bộ KH-CN
34	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%					Bộ CT
35	Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp	%					Bộ CT
36	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế	Triệu doanh nghiệp					Bộ TC
37	Tỷ lệ đô thị hoá	%					Bộ XD
38	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi					Bộ Y tế
39	Thời gian sống khỏe	Năm					Bộ Y tế
40	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%					Bộ GDĐT
41	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%					Bộ GDĐT
42	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%					Bộ GDĐT
43	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%					Bộ Y tế
44	Chỉ số phát triển con người (HDI)						Bộ GDĐT, Bộ Y tế
45	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%					Bộ NNMT
46	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%					Bộ NNMT

47	Tỷ lệ cơ sở công nghiệp áp dụng sản xuất xanh	%					Bộ CT
48	Tỷ lệ tự dùng và tổn thất điện năng	%					Bộ CT
49	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%					Bộ CT
50	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia	%					Bộ NNMT
51	Tỷ lệ che phủ rừng	%					Bộ NNMT



Phụ lục II

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN QUAN TRỌNG, TRỌNG ĐIỂM NĂM 2027

(Kèm theo Chỉ thị số 26 /CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN



Phụ lục III
ƯỚC THỰC HIỆN TĂNG TRƯỞNG GRDP NĂM 2026
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo Chỉ thị số 26 /CT-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

BIỂU 1

Các địa phương Quảng Ninh, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Cao Bằng, Ninh Bình, Thái Nguyên, Gia Lai

[illegible]

[illegible]

BIỂU 2

Các địa phương: Đắk Lắk, Vĩnh Long, Thanh Hóa, Đồng Tháp, Hà Nội, Lai Châu, Lào Cai

[illegible]

[illegible]

BIỂU 3

Các địa phương: Tây Ninh, Cần Thơ, Hải Phòng, Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Huế

[illegible]

[illegible]

BIỂU 4

Các địa phương: Đà Nẵng, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, An Giang, Lạng Sơn, Phú Thọ

[illegible]

[illegible]

BIỂU 5

Các địa phương: Quảng Ngãi, Hưng Yên, Quảng Trị, Cà Mau, Hà Tĩnh, TP. Hồ Chí Minh

[illegible]

[illegible]